

## Bài 40

- 7.17. Cho 3,08 g Fe vào 150 ml dung dịch  $\text{AgNO}_3$  1M, lắc kĩ cho phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là  
A. 11,88. B. 16,20.  
C. 18,20. D. 17,96.

7.18. Cho 1 g bột sắt tiếp xúc với oxi một thời gian, thấy khối lượng bột đã vượt quá 1,41 g. Nếu chỉ tạo thành một oxit sắt duy nhất thì oxit đó là  
A.  $\text{FeO}$ . B.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$   
C.  $\text{Fe}_3\text{O}_4$ . D. không xác định được.

7.19. Cân điều chế 6,72 lít  $\text{H}_2$  (đktc) từ Fe và dung dịch HCl hoặc dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng. Chọn axit nào để số mol cân lấy nhỏ hơn ?  
A. HCl.  
B.  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng.  
C. Hai axit đều như nhau.  
D. Không xác định được vì không cho lượng Fe.

7.20. Cho 20 g hỗn hợp Fe và Mg tác dụng hết với dung dịch HCl thấy có 1 g khí  $\text{H}_2$  thoát ra. Dung dịch thu được nếu đem cô cạn thì thu được bao nhiêu gam muối khan ?  
A. 50 g. B. 55,5 g.  
C. 60 g. D. 60,5 g.

7.21. Ngâm một lá kim loại có khối lượng 50 g trong dung dịch HCl. Sau một thời gian thu được 336 ml khí  $\text{H}_2$  (đktc), đồng thời khối lượng lá kim loại giảm 1,68%. Hãy xác định kim loại đã dùng.

7.22. Cho một dung dịch có hoà tan 3,25 g muối sắt clorua tác dụng với dung dịch  $\text{AgNO}_3$  dư, tạo ra 8,61 g  $\text{AgCl}$ . Hãy xác định công thức hoá học của muối sắt clorua đã dùng.

7.23. Hoà tan 2,52 g một kim loại bằng dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng, thu được 6,84 g muối sunfat. Hãy xác định kim loại đã dùng.

**7.24.** Hai lá sắt có khối lượng bằng nhau và bằng 11,2 g. Một lá cho tác dụng hết với khí clo, một lá ngâm trong dung dịch HCl dư.

Viết phương trình hoá học của các phản ứng xảy ra.

Khối lượng muối các muối sắt clorua thu được theo hai cách trên có bằng nhau không và bằng bao nhiêu ?